

Biểu mẫu 10*(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)***SỞ GD & ĐT TP.CẦN THƠ****TRƯỜNG THPT CHÂU VĂN LIÊM****THÔNG BÁO***Công khai thông tin chất lượng giáo dục phổ thông, Học kỳ I năm học 2023-2024*

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp10	Lớp11	Lớp12
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	1658	532	578	548
	Số học sinh chia theo hạnh kiểm 12	548	/	/	548
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	/	/	/	543 99,09
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	/	/	/	158 28,83
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	/	/	/	19 3,47
	Số học sinh chia theo kết quả rèn luyện K.10,11	1110	532	578	0
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1106 99,6	531 99,81	575 99,48	/
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	4 0,71	1 0,19	3 0,52	/
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	/			/
II	Số học sinh chia theo học lực	1658	532	578	548
	Số học sinh chia theo học lực Khối 11.12	548	0	0	548
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	/	/	/	339 60,75
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	/	/	/	208 37,28
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	/	/	/	11 1,97
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	/	/	/	/
	Số học sinh chia theo học lực Khối 10, 11	1110	532	578	0
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1036 93,3	326 61,28	404 69,9	/
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	368 33,2	201 37,78	167 28,89	/
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	12 1,08	5 0,94	7 1,21	/
4	Không đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	1658	532	578	548

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp10	Lớp11	Lớp12
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	1658 100	532 100	578 100	548 100
a	Học sinh Xuất sắc (tỷ lệ so với tổng số)	/	/	/	/
b	Học sinh giỏi khối 12 (tỷ lệ so với tổng số)	371 67,7	/	/	371 67,7
c	Học sinh Tốt khối 10,11 (tỷ lệ so với tổng số)	730 44,02	326 61,28	404 69,9	/
d	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	158 28,83	/	/	158 28,83
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
4	Chuyển trường đến (tỷ lệ so với tổng số)	1 0,18	1 0,18	0	0
5	Chuyển trường đi (tỷ lệ so với tổng số)	13 0,78	2 0,37	5 0,86	6 1,09
6	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
7	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi	34	19	2	13
1	Cấp tỉnh/thành phố	34	19	2	13
2	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0	0	0	0
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	/	/	/	/
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	/	/	/	/
VII	Số học sinh thi đỗ đại học (chỉ tính đỗ đại học nguyện vọng 1) (tỷ lệ so với tổng số)	/	/	/	/
VIII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng ngoài công lập (tỷ lệ so với tổng số)	/	/	/	/
IX	Số học sinh nam	634	176	257	201
	Số học sinh nữ	1024	356	321	347
X	Số học sinh dân tộc thiểu số	119	41	35	43

Cần Thơ, ngày 19 tháng 01 năm 2024

Người lập bảng

HIỆU TRƯỞNG

Lý Thị Tốt

Cao Thi Ngọc Hà